

đều phải dùng đến tiếng có khứ thanh mang dấu ngã như: hãy, đã, vẫn, dững mãnh, lừng lẫy, vẫy tay .v.v... thì dáng người và đầu cổ đều hát chéo lên về phía trước. Vì thế hướng chéo lên là hành mộc chỉ sự hăng hái, dững cảm, sức chống đỡ.

- Khi can ngăn một hành động, khi nói một lời êm ái, lời răn đe, phòng ngừa, thì hai tay ta phải đưa về phía trước, đẩy sang hai bên, đầu cổ ngang bằng, sức hơi đều đều. Cho nên hướng đi ngang bằng là hành thổ, chỉ sự can ngăn lo lắng.

- Khi có sự buồn bã thì uể oải, đứng đầu cũng phải dựa thân vào vật đỡ như gốc cây, cột, bờ tường. Đứng dựa là chân chống chéo xuống. Khi nói những tiếng chỉ sự buồn bã là những tiếng có thanh hồi mang dấu hỏi như khổ sở, phải chịu, bản thủ, dở dang, hỏi han, chỉ bảo, thủ thủ, thùng v.v. . . dáng đầu cổ và sức hơi phải chéo xuống. Do đó, hướng chéo xuống là hành kim chỉ sự buồn.

- Khi bị rơi từ trên xuống, khi đu trên cao thõng người xuống thì thấy hoảng sợ. Khi nói những tiếng chỉ sự hoảng sợ phải dùng hạ thanh mang dấu nặng như sợ sệt, bị đập, lay lục, cạy cục thì dáng đầu cổ và sức hơi phải gấp thẳng xuống. Vì thế hướng thẳng xuống là hành thủy chỉ sự sợ sệt.

Bảng tương ứng hướng nhìn, hướng sức, dáng đầu (Bảng 4-17)

Bảng 4-17

H-íng nh×n	Ho't ®éng	H-íng sọc	TiỔng nãi cả thanh	D,ng ®Çu cæ	Ngò hính	T©m lý
Ngõa l°n cao	Nh°y l°n, gi° l°n	Vật l°n	Th-íng	Hết cao l°n	Ho°	ThÇn minh, vui
ChĐo l°n	§i, bÉy, lao ng-êi vÒ phÝa tr-íc	ChĐo l°n	Khø	Hết chĐo l°n	Méc	M-u lù, giÊn
Ngang b»ng	Ng°n c°n	§-a ngang	§o°n b×nh tr-êng b×nh	Ngang b»ng	Thæ	Gi,n nghê, lo
ChĐo xuềng	Dừa, tùa	Dẫn chĐo xuềng	Hải	ChĐo xuềng	Kim	TrÞ tiỔt, buồn
Cói xuềng thÊp	R-i, ®u	R-i xuềng	H'	GÉp xuềng	Thuû	Kù x°o, sî h-i

Phạm vi kết hợp với chiều hướng gồm các yếu tố màu sắc, đường nét, độ dài (Hình 4-39, 4-40, 4-41, 4-42).

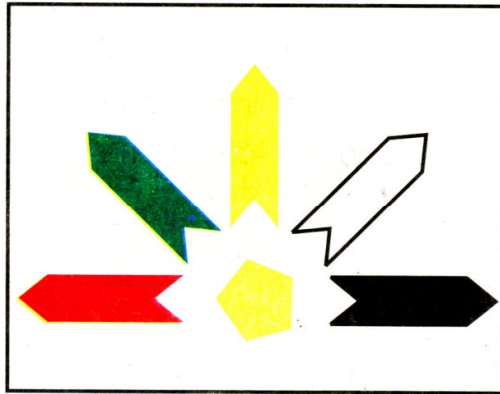
Bảng tương ứng chiều hướng, đường nét, màu sắc, ngũ hành

(Bảng 4-18):

Chiều hướng	Si l'ân	ChĐo xuềng	Si ngang	ChĐo xuềng	Si xuềng
§-êng nĐt					
Màu s ³ / ₄ c	§á	Xanh	Vàng	Tr ³ / ₄ ng	§en
Ngũ hành	Hỏa	Mộc	Thủy	Kim	Thổ

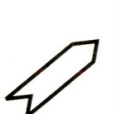
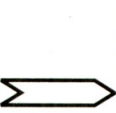
Hình 4-39 : Màu với chiều hướng.

- Màu với chiều hướng chuẩn theo ngũ hành : Đỏ, thẳng lên : Hỏa. Xanh, chéo lên : Mộc. Vàng, đi ngang : Thổ. Trắng, chéo xuống : Kim. Đen, thẳng xuống : Thủy.



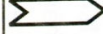
Hình 4-40 : Quan hệ giữa màu và chiều hướng.

- 5 hàng dọc, cùng chiều hướng khác màu, theo thứ tự từ trên xuống : hỏa, mộc, thổ, kim, thủy.
- 5 hàng ngang, khác chiều hướng cùng màu, theo thứ tự từ trái sang : hỏa, mộc, thổ, kim, thủy.

Hình 4-41 : Quan hệ giữa màu và chiều hướng, theo tương đồng, tương sinh, tương khắc.

- Cột giữa, hành của màu và hành của chiều hướng tương đồng.
- Cột trong bên trái, hành của chiều hướng sinh hành của màu.
- Cột ngoài bên trái, hành của màu sinh hành của chiều hướng.
- Cột trong bên phải, hành của chiều hướng khắc hành của màu.
- Cột ngoài bên phải, hành của màu khắc hành của chiều hướng.

Hình 4-42 : Quan hệ giữa chiều hướng và đường nét.

- 5 hàng dọc, cùng chiều hướng khác đường nét, theo thứ tự từ trên xuống : mộc, hỏa, thổ, kim, thủy.
- 5 hàng ngang, cùng đường nét khác chiều hướng, theo chiều thứ tự từ trái sang : mộc, hỏa, thổ, kim, thủy.

2	)	—	6	3
2	(	/	9	7
2	(		9	3
2	(	—	9	3
2	(	/	9	7

Hiệu quả cảm giác của các kết hợp bằng tổng hiệu ứng của các yếu tố Ví dụ: nét thẳng, màu trắng, đi chéo lên là thổ + kim + mộc. Nét cong câu, màu đỏ, đi ngang là kim + hỏa + thổ v. v. . .

6. Tương ứng giữa độ dài với ngũ hành và tâm sinh lý người:

Độ dài trong không gian và trong thời gian là các cách ghi nhận sự tồn tại của vạn vật ở trong tự nhiên.

Giới hạn độ dài tương đối trong thiên nhiên dùng làm mức trung bình, qua đó mà so sánh các mức độ khác. Mức đó là góc nhìn thị giác còn cảm nhận chính xác sự vật, tức là bằng từ 2/5 đến 3/5 giới hạn nhìn của mắt người (ở trong tác phẩm nghệ thuật thì lấy giới hạn khung tranh thay cho giới hạn nhìn của mắt người. Ở thời gian thì lấy khoảng cách cần thiết để hoàn thành một việc với sức lực và tài nghệ trung bình. Ở thanh thì lấy đoản bình và trường bình làm thanh trung bình (Hình 4-43).

Các mức độ dài tương ứng với ngũ hành và tâm sinh lý con người như sau (Bảng 4- 19) :

Bảng 4-19

§é dui	Ng ³ /n	H-i ng ³ /n	Trung b×nh	H-i dui	Dui
Gãc thĐ gi,c	1/5	1/5-2/5	2/5-3/5	3/5-4/5	4/5-5/5
ém	Chuû	Giềç	Cung	Th-ñg	Vô
Thanh	Th-ìng	Khø	§o¶n, Tr-êng	Hải	H'
Ngò hính	Ho¶¶	Méc	Thæ	Kim	Thuû
T©m lý	ThÇn minh, vui	M-u lù, giỄn	Gi,n nghĐ, lo	TrĐ tiỔt, buồn	Kũ x¶o, sỉ h-i

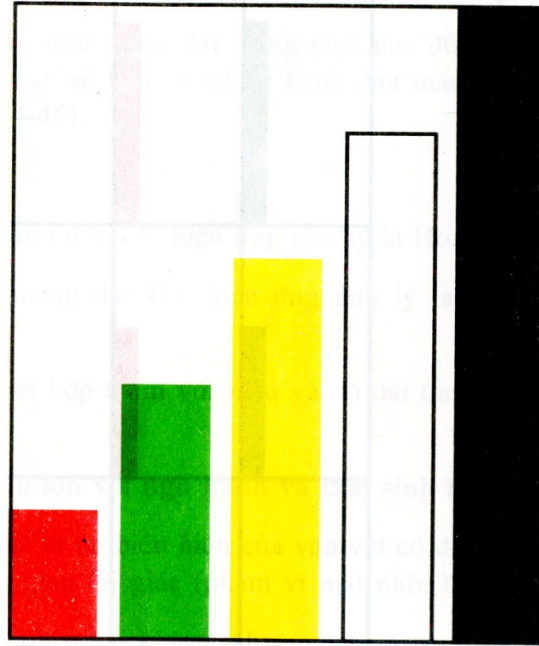
Hiệu ứng do độ dài gây ra là một quy luật phổ biến. Lấy ví dụ về thời gian để minh hoạ tính phổ biến này như đã nêu ở phần ngôn ngữ tiếng Việt.

Về hiệu ứng độ dài của thanh đối với tâm lý con người tôi đã bàn chuyên đề ở trên.

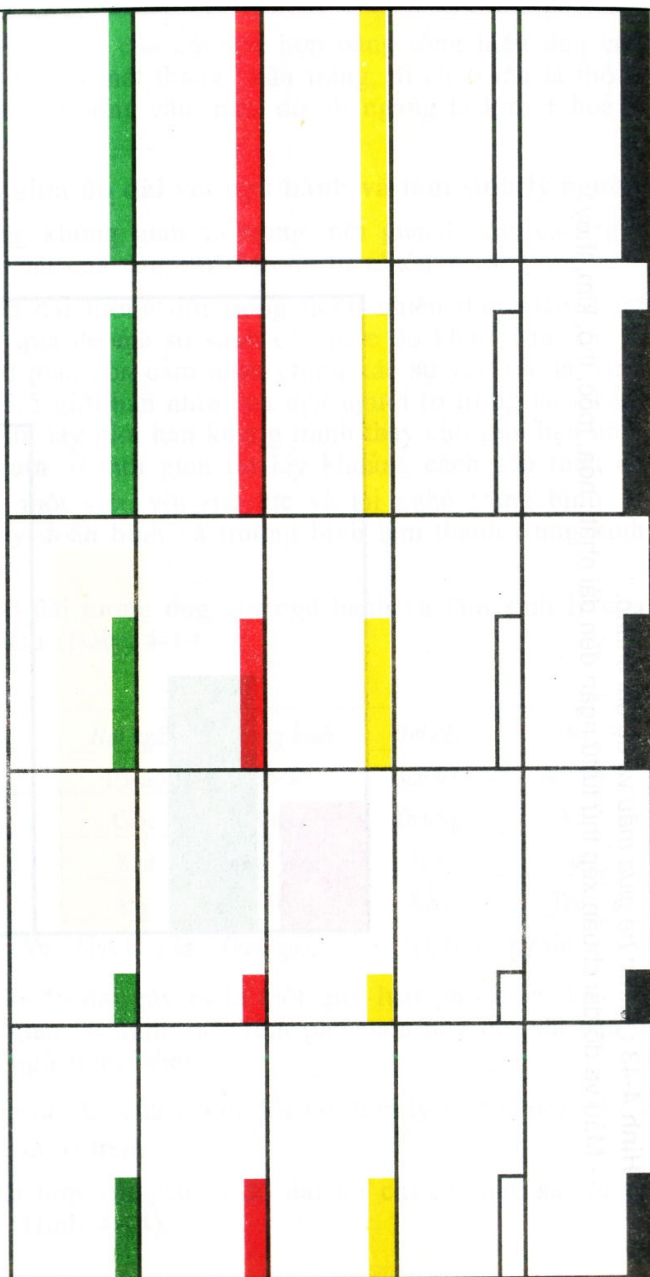
Phạm vi kết hợp với yếu tố độ dài thì chỉ có màu sắc là rõ nét hơn cả (Hình 4-44).

Hình 4-43 : *Quan hệ giữa màu và độ dài chuẩn.*

- Màu và độ dài chuẩn xếp thứ tự từ ngắn đến dài nhất : hỏa, mộc, thổ, kim, thủy.



Hình 4-44 : Quan hệ giữa màu và độ dài.
 - 5 hàng dọc, cùng độ dài khác màu, theo thứ tự từ trên xuống = mộc, hỏa, thổ, kim, thủy.
 - 5 hàng ngang, cùng màu khác độ dài, theo thứ tự từ trái sang = mộc, hỏa, thổ, kim, thủy.



Bảng tương ứng giữa độ dài, màu và ngũ hành (Bảng 4-20):

Bảng 4-20

§é dài	1/5	1/5-2/5	2/5-3/5	3/5-4/5	4/5-5/5
Màu	§á	Xanh	Vàng	Trắng	§en
Ngũ hành	Hỏa	Mộc	Thủy	Kim	Thổ